

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số.../QĐ-ĐHTM, ngày ... tháng ... năm ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

<b>Chương trình đào tạo:</b>	Logistics và Xuất nhập khẩu (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) Logistics and Import - Export (International Profession Oriented Program)
<b>Trình độ đào tạo:</b>	Đại học
<b>Ngành đào tạo:</b>	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
<b>Mã ngành:</b>	7510605
<b>Chuyên ngành đào tạo:</b>	Logistics và Xuất nhập khẩu Logistics and Import-Export
<b>Ngôn ngữ đào tạo:</b>	Tiếng Việt và Tiếng Anh

#### 1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

##### *Mục tiêu chung:*

Chương trình đào tạo Logistics và Xuất nhập khẩu (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) là **chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp**, đào tạo cử nhân ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng có kiến thức đa ngành, liên ngành kinh tế - kinh doanh và kiến thức chuyên sâu ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng; có kỹ năng nghề nghiệp logistics và xuất nhập khẩu thành thực; sử dụng thành thạo tiếng Anh trong môi trường làm việc quốc tế.

Người học sau khi tốt nghiệp có thể nhanh chóng thích ứng với môi trường làm việc mang tính quốc tế cao; có khả năng làm việc ngay tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia, tổ chức quốc tế có hoạt động logistics và xuất nhập khẩu; các doanh nghiệp dịch vụ logistics lớn; các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến lĩnh vực logistics và xuất nhập khẩu; các trường đại học, viện nghiên cứu có đào tạo và nghiên cứu về logistics và xuất nhập khẩu.

Người học sau khi tốt nghiệp có thể học phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành Kinh tế - Quản lý - Kinh doanh và học tập ở các bậc học cao hơn ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng, kinh doanh quốc tế, kinh tế, quản trị kinh doanh tại các trường đại học uy tín trong nước và quốc tế.

##### *Mục tiêu cụ thể:*

Người học CTĐT Logistics và Xuất nhập khẩu định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế được trang bị kiến thức đa ngành, liên ngành kinh tế - kinh doanh; trang bị kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và hiện đại về kinh doanh quốc tế nói chung và hoạt động logistics và xuất nhập khẩu nói riêng; có khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành logistics và xuất nhập khẩu vào thực tiễn hoạt động tại doanh nghiệp dịch vụ logistics cũng như các doanh nghiệp sản xuất, thương mại trong và ngoài nước, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia, tổ chức quốc tế.

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT Logistics và Xuất nhập khẩu định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế có kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng làm việc độc lập, tự chủ; phong cách làm việc chuyên nghiệp trong môi trường quốc tế; có kỹ năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành hệ thống logistics và quy trình xuất nhập khẩu của doanh nghiệp; sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên ngành, giao tiếp và đàm phán hiệu quả bằng tiếng Anh, có kỹ năng làm việc với các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực logistics và xuất nhập khẩu để phục vụ công việc trong môi trường công nghệ cao và hội nhập quốc tế.

- Cử nhân Logistics và Xuất nhập khẩu chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có ý thức tôn trọng kỷ luật lao động, tinh thần chủ động sáng tạo trong công việc; có khả năng độc lập, tự chủ, tự chịu trách nhiệm; có tinh thần cầu thị và khả năng học tập suốt đời.

## **2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

### **2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT Logistics và Xuất nhập khẩu định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế đạt chuẩn kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có kiến thức lý thuyết và thực tiễn chuyên sâu trong lĩnh vực logistics và xuất nhập khẩu; có đủ kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế, xã hội, kiến thức của ngành và chuyên ngành đào tạo bao gồm:

(PLO1): Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, lý luận chính trị, pháp luật vào hoạt động logistics và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp/tổ chức/địa phương/quốc gia.

(PLO2): Hiểu rõ các kiến thức liên ngành; vận dụng sáng tạo và linh hoạt các kiến thức lý thuyết hiện đại, tiệm cận quốc tế về logistics và xuất nhập khẩu, đặc biệt là thông qua các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được giảng dạy bằng Tiếng Anh.

(PLO3): Phân tích được các nhân tố tác động đến các quyết định liên quan logistics và xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp/tổ chức/địa phương/quốc gia; nắm bắt được xu hướng phát triển logistics và xuất nhập khẩu trên thị trường trong nước và quốc tế trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số và phát triển bền vững.

(PLO4): Thực hiện và tổ chức được các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ về logistics và xuất nhập khẩu ở các doanh nghiệp/tổ chức/địa phương/quốc gia.

(PLO5): Vận dụng các kiến thức về công nghệ số, khởi sự kinh doanh, đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững vào việc tổ chức và thực hiện các hoạt động logistics và xuất nhập khẩu ở các doanh nghiệp/tổ chức/địa phương/quốc gia.

### **2.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

(PLO6): Có kỹ năng sử dụng các công cụ và phương thức tìm kiếm thông tin về thị trường logistics, thị trường xuất nhập khẩu; có kỹ năng phân tích, nhận dạng, đánh giá chính xác các vấn đề liên quan đến logistics và xuất nhập khẩu của ngành/địa phương, tổ chức/doanh nghiệp;

(PLO7): Có kỹ năng tham gia hoạch định, tổ chức, triển khai, đánh giá các chính sách, chương trình và kế hoạch logistics và xuất nhập khẩu của tổ chức/doanh nghiệp/địa phương/quốc gia thông qua các học phần thực hành thực tế nghề nghiệp.

(PLO8): Có kỹ năng thích ứng các nghiệp vụ logistics và nghiệp vụ xuất nhập khẩu tương ứng với từng loại hình kinh doanh và doanh nghiệp cụ thể.

(PLO9): Vận dụng linh hoạt các kỹ năng đàm phán, thuyết trình, viết báo cáo, trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu bằng tiếng Anh; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng lãnh đạo... trong môi trường làm việc chuyên nghiệp và quốc tế hóa.

### **2.3. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

(PLO10): Có năng lực làm việc độc lập và khả năng hợp tác trong công việc; có khả năng tự chịu trách nhiệm đối với cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

(PLO11): Có năng lực phân tích, đánh giá, điều phối và tự đưa ra quyết định để giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến hoạt động logistics và xuất nhập khẩu, có năng lực cải tiến các hoạt động logistics và xuất nhập khẩu tại doanh nghiệp/tổ chức.

(PLO12): Có năng lực tự tích lũy và cập nhật kiến thức và kinh nghiệm, năng lực học tập suốt đời; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân trong công việc; có tư duy đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp.

(PLO13): Có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp, hội nhập, đa văn hóa và cạnh tranh cao; có trách nhiệm với xã hội, cộng đồng.

### **2.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học**

(PLO14): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

(PLO15): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý của Trường Đại học Thương mại.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

## **4. Đối tượng tuyển sinh**

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

### **5.1. Quy trình đào tạo**

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trưởng Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

**Bước 3.** Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

**Bước 4.** Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

**Bước 5.** Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

## **5.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

## **6. Phương thức đánh giá**

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

## **7. Nội dung chương trình đào tạo**

### **7.1. Khung chương trình đào tạo**

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã học phần	Ngôn ngữ giảng dạy	Số TC	Cấu trúc
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			48	

<b>1.1</b>	<b>Giáo dục đại cương</b>			<b>37</b>	
<b>1.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>34</b>	
1	Triết học Mác - Lê Nin Phylosophy of Maxism - Leninism	MLNP0221	Tiếng Việt	3	36,18
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political economics of Maxism - Leninism	RLCP1211	Tiếng Việt	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh ideology	HCM10111	Tiếng Việt	2	24,12
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	HCM10131	Tiếng Việt	2	21,18
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	HCM10121	Tiếng Việt	2	24,12
6	Pháp luật đại cương Introduction to Laws	TLAW0111	Tiếng việt	2	24,12
7	Tiếng Anh tăng cường 1.1 Intensive English 1.1	ENPR7011	Tiếng Anh	4	48,24
8	Tiếng Anh tăng cường 1.2 Intensive English 1.2	ENPR7111	Tiếng Anh	4	48,24
9	Tiếng Anh nâng cao 1.1 Advanced English 1.1	ENTI3111	Tiếng Anh	5	60,30
10	Tiếng Anh nâng cao 1.2 Advanced English 1.2	ENTI3211	Tiếng Anh	5	60,30
11	Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản Information Technology Foundation	INFO3511	Tiếng Việt	3	36,18
<b>1.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>3</b>	
	<b>Chọn 03 TC trong các HP sau:</b>				
1	Kinh tế lượng Econometrics	AMAT0411	Tiếng Việt	3	36,18
2	Giao tiếp trong kinh doanh Communication in business	EPIN0111	Tiếng Việt	3	0,90
1.2	Giáo dục thể chất			3	
<b>1.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>1</b>	
	Giáo dục thể chất chung Physical Education	GDTC1611	Tiếng Việt	1	12,18
<b>1.2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>2</b>	
	<b>Chọn 02 TC trong các HP sau:</b>				
1	Cầu lông Badminton	GDTC0521	Tiếng Việt	1	12,18
2	Bóng chuyền Volleyball	GDTC0621	Tiếng Việt	1	12,18

3	Bóng ném Handball		GDTC0721	Tiếng Việt	1	12,18
4	Bóng bàn Table tennis		GDTC1621	Tiếng Việt	1	12,18
5	Cờ vua Chess		GDTC1721	Tiếng Việt	1	12,18
6	Bóng rổ Basketball		GDTC0821	Tiếng Việt	1	12,18
1.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh Military Education				8	
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				83	
2.1	<b>Kiến thức liên ngành</b>				<b>43</b>	
2.1.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>				<b>28</b>	
1	Kinh tế học Economics		MIEC1031	Tiếng Anh	3	36,18
2	Chuyển đổi số trong kinh doanh Digital transformation in business		PCOM1111	Tiếng Việt	2	24,12
3	Thực tập nghề nghiệp Internship		KDQT1161	Tiếng Việt	2	0,60
4	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh Artificial intelligence for business		INFO3611	Tiếng Việt	3	36,18
5	Quản trị học Fundamentals of management		BMGM0531	Tiếng Anh	3	36,18
6	Marketing căn bản Principles of marketing		BMKT3231	Tiếng Anh	3	36,18
7	Nguyên lý quản trị nhân lực Principles of human resource management		HRMG2531	Tiếng Anh	3	36,18
8	Nguyên lý kế toán Principles of accounting		FACC0112	Tiếng Anh	3	36,18
9	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính Money, banking and financial market		EFIN2812	Tiếng Anh	3	36,18
10	Khởi sự kinh doanh Entrepreneurship		EPIN0211	Tiếng Việt	3	36,18
2.1.2	<b>Các học phần tự chọn</b>				<b>15</b>	
	<b>Chọn 15 TC trong các HP sau:</b>					
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific research		SCRE0211	Tiếng Việt	3	36,18

	methodology				
2	Quản trị dịch vụ Service management	TEMG2911	Tiếng Việt	3	36,18
3	Luật kinh tế 1 Economic law 1	PLAW0321	Tiếng Việt	3	36,18
4	Kinh doanh quốc tế International business	ITOM1311	Tiếng Việt	3	36,18
5	Lý thuyết kinh tế số Digital economy theory	DECO0111	Tiếng Việt	3	36,18
6	Kinh tế quốc tế 1 International economics 1	FECO1711	Tiếng Việt	3	36,18
7	Khoa học hàng hoá Commodity science	ITOM2611	Tiếng Việt	3	36,18
8	Đàm phán thương mại quốc tế International trade negotiation	ITOM1621	Tiếng Việt	3	36,18
9	Quản trị logistics kinh doanh Business logistics management	BLOG1511	Tiếng Việt	3	36,18
10	Mua và quản trị nguồn cung Purchasing and supply management	BLOG3041	Tiếng Việt	3	36,18
<b>2.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>			<b>15</b>	
<b>2.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>9</b>	
1	Quản trị chuỗi cung ứng Supply chain management	BLOG3331	Tiếng Anh	3	36,18
2	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế International trade operation management	ITOM2531	Tiếng Anh	3	36,18
3	Thực hành nghề nghiệp xuất nhập khẩu Professional practice in import - export	KDQT1261	Tiếng Việt	3	0,90
<b>2.2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>				
	<b>Chọn 6 TC trong các HP sau:</b>			<b>6</b>	
1	Kinh tế chia sẻ Sharing economy	FECO1911	Tiếng Việt	3	36,18
2	Quản trị đổi mới, sáng tạo Innovation management	SMGM1111	Tiếng Việt	3	36,18
3	Quản lý kho và trung tâm phân phối Warehouse and distribution center	BLOG3031	Tiếng Việt	3	36,18
4	Đầu tư quốc tế International investment	FECO2631	Tiếng Anh	3	36,18
<b>2.3</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>			<b>15</b>	
1	Logistics quốc tế International logistics	BLOG3051	Tiếng Việt	3	36,18

2	Logistics trong thương mại điện tử Logistics for e-commerce	BLOG3111	Tiếng Việt	3	36,18
3	Quản trị vận chuyển hàng hóa quốc tế International transportation management	ITOM2411	Tiếng Việt	3	36,18
4	Nghiệp vụ hải quan Customs practice	ITOM1721	Tiếng Việt	3	36,18
5	Thực hành nghề nghiệp logistics Professional practice in logistics	KDQT1361	Tiếng Việt	3	0,90
<b>2.4</b>	<b>Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học</b>			<b>10</b>	
1	Thực tập và viết báo cáo dự án nhóm Internship project report	REPE2111	Tiếng Việt/ Tiếng Anh	3	0,90
2	Thực tập và viết luận văn tốt nghiệp Graduation thesis	LVVE2211	Tiếng Việt/ Tiếng Anh	7	0,210

*Ghi chú:*

*Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ, bao gồm 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp (trong đó có 96 tín chỉ học phần bắt buộc (80%), 24TC HP tự chọn (20%) và 11TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh. CTĐT có 27 tín chỉ HP chuyên môn giảng dạy bằng tiếng Anh (32,5%) trong tổng số tín chỉ Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp.*

**7.2. Mô tả các học phần (xem phụ lục)**

## **8. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

TT	KỲ HỌC	HỌC PHẦN	SỐ TC
1	Kỳ 1	Kiến thức giáo dục đại cương	9
		Kiến thức liên ngành	3
		GDTC	1
2	Kỳ 2	Kiến thức giáo dục đại cương	9
		Kiến thức liên ngành	6
		GDTC	1
	Kỳ hè năm thứ nhất	GDQP-AN	8
3	Kỳ 3	Kiến thức giáo dục đại cương	6
		Kiến thức liên ngành	9
		GDTC	1
4	Kỳ 4	Kiến thức giáo dục đại cương	7
		Kiến thức liên ngành	11
5	Kỳ 5	Kiến thức giáo dục đại cương (HP LLCT)	3
		Kiến thức liên ngành	7
		Kiến thức ngành	6



		Kiến thức chuyên ngành	3
6	Kỳ 6	Kiến thức giáo dục đại cương (HP LLCT)	3
		Kiến thức liên ngành	7
		Kiến thức ngành	3
		Kiến thức chuyên ngành	3
7	Kỳ 7	Kiến thức ngành	6
		Kiến thức chuyên ngành	9
8	Kỳ 8	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10
	Tổng cộng		131

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS, TS. Nguyễn Hoàng**

**TRƯỞNG KHOA**

**TS. Nguyễn Duy Đạt**

## PHỤ LỤC 1

MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐHCSSNNQT  
LOGISTICS VÀ XUẤT NHẬP KHẨU**I. KHÔI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG****1.1 Giáo dục đại cương****1.1.1 Các học phần bắt buộc*****Triết học Mác - Lê Nin (Phylosophy of Maxism - Leninism): 3TC (36,18)***

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

***Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political economics of Maxism - Leninism): 2TC (24,12)***

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập nghiên cứu và công tác của mình.

***Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology): 2TC (24,12)***

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

***Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party): 2TC (21,18)***

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công

cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

***Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism): 2TC (24, 12)***

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và các vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

***Pháp luật đại cương (Introduction to Laws): 2TC (24,12)***

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm: Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

***Tiếng Anh tăng cường 1.1 (Intensive English 1.1): 4TC (48,24)***

Học phần Tiếng Anh Tăng cường 1.1 sử dụng giáo trình Life (Upper Intermediate) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm các mối quan hệ, kể chuyện, khoa học và công nghệ, nghệ thuật và sáng tạo, phát triển, du lịch. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

***Tiếng Anh tăng cường 1.2 (Intensive English 1.2): 4TC (48,24)***

Học phần Tiếng Anh Tăng cường 1.2 sử dụng giáo trình Life (Upper Intermediate) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm tập quán và hành vi, sự hy vọng và tham vọng, tin tức, người tài năng, kiến thức và học tập, tiền bạc. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

***Tiếng Anh nâng cao 1.1 (Advanced English 1.1): 5TC (60,30)***

Học phần Tiếng Anh nâng cao 1 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: bài học trong cuộc sống, công việc, thiết kế cho cuộc sống, đổi mới và cơ thể. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới

***Tiếng Anh nâng cao 1.2 (Advanced English 1.2): 5TC (60,30)***

Học phần Tiếng Anh nâng cao 2 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: phương tiện truyền thông kỹ thuật số, âm nhạc, đời sống xã hội, cảm xúc và mẹ thiên nhiên. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

***Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (Information Technology Foundation): 3TC (36,18)***

Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên tất cả các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương Mại. Học phần bao gồm các khối kiến thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.

***1.1.1 Các học phần tự chọn***

***Kinh tế lượng (Econometrics): 03 TC (36,18)***

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

***Giao tiếp trong kinh doanh (Communication in business): 03 TC (0,90)***

Người học sẽ được trang bị những kỹ thuật và phương pháp giao tiếp bằng: lời nói, văn bản, điện thoại, email, ngôn ngữ không lời, giao tiếp hệ thống truyền thông, mô hình truyền thông có hiệu quả trong kinh doanh. Đồng thời giúp người học có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình giao tiếp kinh doanh; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong giao tiếp kinh doanh. Mang lại cho người học sự tự tin khi đối diện với những tình huống giao tiếp trong kinh doanh, kể cả các tình huống khó khăn và xử lý tốt các tình huống đó.

## 1.2 Giáo dục thể chất

### 1.2.1 Các học phần bắt buộc

**Giáo dục thể chất chung (Physical Education): 1 TC (12,18)**

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương, kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện TDTT, phương pháp rèn luyện thể chất.

### 1.2.2 Các học phần tự chọn

**Cầu lông (Badminton): 1 TC (12, 18)**

**Bóng chuyền (Volleyball): 1 TC (12, 18)**

**Bóng ném (Handball): 1 TC (12, 18)**

**Bóng bàn (Table Tennis): 1 TC (12, 18)**

**Bóng rổ (Basketball): 1 TC (12, 18)**

**Cờ vua (Chess): 1 TC (12, 18)**

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về cờ Vua, môn thể thao có tác dụng phát triển tư duy logic, luyện trí thông minh, tính tổ chức kỷ luật, rèn luyện cách làm việc có kế hoạch, tính quyết đoán và táo bạo trong xử lý tình huống.

## II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

### 2.1 Kiến thức liên ngành

#### 2.1.1 Các học phần bắt buộc

**Kinh tế học (Economics): 3TC (36,18)**

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học, bao gồm: Về nội dung kinh tế vĩ mô, học phần tập trung nghiên cứu về cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ; nghiên cứu về cơ chế hoạt động của thị trường; nghiên cứu về lý thuyết hành vi của doanh nghiệp; nghiên cứu về cấu trúc của các thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Về nội dung kinh tế vĩ mô, Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

**Chuyển đổi số trong kinh doanh (Digital transformation in business): 2TC (24,12)**

Học phần cung cấp kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm, phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT, đặc điểm chuyển đổi số, hệ sinh thái của chuyển đổi số, các giai đoạn chuyển đổi số, quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh, giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

**Thực tập nghề nghiệp (Internship): 2TC (0,60)**

Học phần Thực tập nghề nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức liên ngành của CTĐT Định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế, thuộc khoa Kinh tế &

Kinh doanh quốc tế. Đây là học phần mà sinh viên sẽ thực hiện tại doanh nghiệp và năm thứ hai. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: Vận dụng kiến thức quản trị học và khởi sự kinh doanh để tìm hiểu về quá trình hình thành, phát triển của doanh nghiệp/tổ chức, tìm hiểu về lĩnh vực ngành nghề của doanh nghiệp/tổ chức, nguồn lực và các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp/tổ chức như: marketing, nhân lực, kế toán, tài chính của doanh nghiệp... Hiểu về các vị trí nghề nghiệp logistics và xuất nhập khẩu tại một doanh nghiệp/tổ chức; chức năng, nhiệm vụ của vị trí nghề nghiệp đó; các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng đối với nhân lực làm việc tại từng vị trí nghề nghiệp.

***Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong Kinh doanh (Artificial Intelligence for business): 3TC (36,18)***

Là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản của sinh viên đại học. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của CNTT và ứng dụng của nó trong kinh doanh. Cụ thể là: các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, cách thức tổ chức và quản lý dữ liệu lớn, các công nghệ sử dụng và một số công cụ trong trí tuệ nhân tạo, và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau.

***Quản trị học (Fundamentals of Management): 3TC (36,18)***

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

***Marketing căn bản (Principles of Marketing): 3TC (36,18)***

Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing –mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

***Nguyên lý quản trị nhân lực (Principles of Human Resource Management): 3TC (36,18)***

Học phần này trang bị cho người học một số nội dung chính như: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực; nội dung thiết yếu của quản trị nhân lực (phân tích công việc, tuyển dụng và lựa chọn, đào tạo và phát triển nhân viên, quản lý hiệu suất, quản lý lương thưởng), xu hướng quản trị nhân lực.

***Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting): 3TC (36,18)***

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán và vận dụng trong kế toán các hoạt động chủ yếu của đơn vị kế toán.

***Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính (Money, Banking and Financial Market) 3TC (36,18)***

Sau khi hoàn thành môn học, học viên nắm được những kiến thức cơ bản về tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính; vận dụng những kiến thức đã học để phát hiện, giải thích, phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ. Hơn nữa, sinh viên được hình thành kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm để hiểu, phân tích các hiện tượng trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản một cách có hệ thống về hệ thống tài chính tiền tệ, bao gồm cả hoạt động trong nước và hoạt động toàn cầu của hệ thống: Các khái niệm về tiền tệ, lạm phát và thị trường tài chính; chính sách tiền tệ và hoạt động của nó ở Việt Nam; những kiến thức cơ bản về hệ thống ngân hàng.

***Khởi sự kinh doanh (Entrepreneurship): 3TC (36,18)***

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới. Ngoài ra học phần còn giới thiệu các kiến thức chung về khởi sự kinh doanh sáng tạo và khởi sự kinh doanh xã hội.

**2.1.2 Các học phần tự chọn**

***Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific Research Methodology): 3TC (36,18)***

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

***Quản trị dịch vụ (Service Management): 3TC (36,18)***

Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo định hướng nghề nghiệp; đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

***Luật kinh tế 1 (Economic law 1): 3TC (36,18)***

Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

***Kinh doanh quốc tế (International Business): 3TC (36,18)***

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

***Lý thuyết kinh tế số (Digital economy theory): 3TC (36,18)***

Học phần có các nội dung về kinh tế số; số hóa nền kinh tế; sự phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; hệ sinh thái nền kinh tế số; một số nguyên tắc cơ bản của kinh tế số như hàng hóa và dịch vụ số, các mô hình giá trị; một số vấn đề chiến lược của kinh tế số; các đặc điểm chính của thị trường số; kinh tế số nâng cao.

***Kinh tế quốc tế 1 (International economics 1): 3TC (36,18)***

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế, giải thích lý do xuất hiện dòng di chuyển hàng hóa giữa các quốc gia. Học phần cũng giới thiệu các mô hình thương mại quốc tế, sự hình thành và thay đổi giá cả trên thị trường quốc tế, khả năng chấp nhận thương mại của các quốc gia. Bên cạnh đó, học phần xem xét ảnh hưởng của tăng trưởng đối với thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở.

***Khoa học hàng hóa (Commodity Science): 3TC (36,18)***

Học phần đề cập những vấn đề chung đối với hàng hoá, bao gồm: phân loại, cơ cấu mặt hàng và cơ sở hình thành cơ cấu mặt hàng hợp lý, mã số mã vạch, ghi nhãn hàng hoá, các yêu cầu chung đối với chất lượng hàng hoá, các chỉ tiêu chất lượng, phương pháp kiểm tra đánh giá chất lượng, các yếu tố ảnh hưởng và làm biến động đến chất lượng hàng hoá, các biện pháp chăm sóc bảo quản, đồng thời đề cập đến vấn đề tiêu chuẩn hoá, quy chuẩn kỹ thuật.

***Đàm phán thương mại quốc tế (International trade negotiation): 3 TC (36,18)***

Học phần Đàm phán thương mại quốc tế nghiên cứu các vấn đề cơ bản trong đàm phán thương mại quốc tế bao gồm đặc điểm và vai trò của đàm phán thương mại quốc tế, các hình thức đàm phán thương mại quốc tế, một số chiến lược, các phương pháp tiếp cận trong đàm phán thương mại quốc tế. Đặc biệt học phần nghiên cứu về văn hóa đàm phán của một số đối tác trên thế giới; những nội dung, các kỹ thuật, quy trình tổ chức đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế cũng như nội dung, quy trình tiến hành đàm phán ký kết hiệp định thương mại quốc tế. Ngoài những kiến thức cơ bản về đàm phán thương mại quốc tế, người học còn được cung cấp những tình huống về đàm phán ký kết hợp đồng và đàm phán ký kết hiệp định thương mại quốc tế.

***Quản trị logistics Kinh doanh (Business Logistics Management): 3TC (36,18)***

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một cách khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics



cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.

***Mua và Quản trị nguồn cung (Purchasing and Supply Management): 3TC (36,18)***

Học phần này cung cấp các kiến thức tổng quan từ khái niệm, lịch sử phát triển & quan điểm tiếp cận tới cấu trúc tổ chức trong công tác mua và quản trị nguồn cung. Học phần còn nghiên cứu các chính sách, quá trình tác nghiệp, quản trị chi phí, quyết định thuê ngoài, quá trình chiến lược mua và quản trị quan hệ nhà cung cấp. Đồng thời, học phần còn giới thiệu những xu hướng phát triển của công tác mua và quản trị nguồn cung trong tương lai.

**2.2 Kiến thức ngành**

**2.2.1 Các học phần bắt buộc**

***Quản trị chuỗi cung ứng (Supply Chain Management): 3TC (36,18)***

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

***Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế (International Trade Operation Management): 3TC (36,18)***

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các phương thức và điều kiện giao dịch trong thương mại quốc tế, quản trị quá trình giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và quản trị quy trình thực hiện hợp đồng bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, điều hành quy trình thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về quản trị rủi ro trong tác nghiệp thương mại quốc tế.

***Thực hành nghề nghiệp Xuất nhập khẩu (Professional Practice in Export - Import): 3TC (0,90)***

Học phần Thực hành nghề nghiệp Xuất nhập khẩu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của CTĐT Logistics và Xuất nhập khẩu định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế, Khoa Kinh tế & Kinh doanh quốc tế. Đây là học phần mà sinh viên

sẽ thực hành tại doanh nghiệp vào năm thứ ba. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: phân tích môi trường vĩ mô, môi trường ngành và nguồn lực logistics của doanh nghiệp; nắm bắt thực trạng hoạt động logistics tại doanh nghiệp sản xuất, thương mại hoặc doanh nghiệp dịch vụ logistics; phát hiện được các vấn đề tồn tại trong hoạt động logistics của các doanh nghiệp này và đề xuất hướng giải quyết vấn đề.

### **2.2.2 Các học phần tự chọn**

#### ***Kinh tế chia sẻ (Sharing economy): 3TC (36,18)***

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế chia sẻ, bao gồm: khái niệm, đặc trưng, phân loại, vai trò, tác động, xu hướng phát triển của kinh tế chia sẻ. Trên cơ sở đó phân tích sự vận hành của kinh tế chia sẻ, và từ đó tìm hiểu về cách thức quản trị hiệu quả nền tảng kinh tế chia sẻ.

#### ***Quản trị đổi mới sáng tạo (Innovation management): 3TC (36,18)***

Học phần Quản trị đổi mới sáng tạo gồm 5 Chương. Chương 1 đưa ra các kiến thức tổng quan về Quản trị đổi mới sáng tạo bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, phân loại đổi mới sáng tạo và quy trình đổi mới sáng tạo. Chương 2 giới thiệu nội dung đầu tiên trong quy trình quản trị đổi mới sáng tạo đó là phân tích môi trường và tìm kiếm cơ hội và nguồn cho đổi mới sáng tạo. Chương 3 tập trung vào nội dung thứ 2 của quy trình đổi mới sáng tạo đó là lựa chọn định hướng đổi mới sáng tạo, Chương 4 là nội dung thứ 3 của quy trình quản trị đổi mới sáng tạo đó là triển khai. Và cuối cùng chương 5 cung cấp kiến thức về nội dung và các tiêu chí đánh giá hiệu suất quản trị đổi mới sáng tạo.

#### ***Quản lý kho và Trung tâm phân phối (Warehouse and Distribution Center): 3TC (36,18)***

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hoạt động quản lý kho và trung tâm phân phối. Học phần tập trung vào những nội dung chủ yếu sau: Các dạng chiến lược phân phối hàng hóa và cấu trúc mạng lưới phân phối tương ứng để thực hiện những chiến lược này; Các hoạt động quản lý kho hàng và trung tâm phân phối trên các khía cạnh không gian, thời gian, lưu lượng dòng hàng dự trữ, nguồn nhân lực, hệ thống thông tin, quản lý thiết bị; Các quy trình nghiệp vụ cơ bản trong kho hàng và trung tâm phân phối theo các dòng và phương pháp công nghệ; Các chỉ tiêu đánh giá hoạt động quản lý kho và trung tâm phân phối.

#### ***Đầu tư quốc tế (International investment): 3TC (36,18)***

Học phần nghiên cứu những hình thức cơ bản về Đầu tư quốc tế. Nghiên cứu cụ thể sự hình thành và phát triển của hoạt động Đầu tư quốc tế, tại sao các nhà đầu tư tiến hành các hoạt động đầu tư quốc tế, bản chất, đặc điểm và các hình thức của ĐTQT, vai trò của từng loại hình đầu tư quốc tế với nước nhận đầu tư, nước đầu tư và nhà đầu tư; bên cạnh đó cũng xem xét đến các vấn đề còn nhiều tranh luận liên quan đến đầu tư quốc tế; học phần đồng thời nghiên cứu hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài với hình thức và nội dung cơ bản có liên quan.

### **2.3 Kiến thức chuyên ngành**

#### ***Logistics quốc tế (International Logistics): 3TC (36,18)***

Cung cấp cho người học các kiến thức nền tảng về cấu trúc mạng lưới logistics quốc tế với các điểm nút trọng yếu, làm rõ những thay đổi cơ bản của cả chuỗi hoạt động logistics quốc tế và sự hỗ trợ tích cực của chiến lược thuê ngoài trong môi trường này. Học phần cung cấp các kỹ năng phân tích, hoạch định và triển khai hoạt động logistics trong

môi trường kinh doanh quốc tế. Kỹ năng giải quyết các vấn đề, phối kết hợp và xử lý các tình huống phát sinh liên quan đến logistics trong môi trường kinh doanh quốc tế. Trang bị cho sinh viên có ý thức cố gắng trong học tập, trong thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu; có ý thức phấn đấu trở thành người am hiểu rộng và có kiến thức về logistics trong môi trường kinh doanh quốc tế.

***Logistics trong thương mại điện tử (Logistics for e-commerce): 3TC (36,18)***

Học phần cung cấp các kiến thức của toàn bộ quá trình hoạch định, tổ chức và triển khai hoạt động logistics trong thương mại điện tử. Học phần gồm có 6 chương, bắt đầu với phần giới thiệu về logistics TMĐT với những tính chất đặc trưng của logistics trong bối cảnh kinh tế mạng. Chương 2 nghiên cứu các yếu tố hạ tầng căn bản của hệ thống logistics thương mại điện tử. Chương 3 mô tả các hoạt động logistics đầu vào trong thương mại điện tử. Chương 4 tiếp nối với các hoạt động logistics đầu ra trong thương mại điện tử. Chương 5 đề cập về hoạt động vận chuyển và quản lý kho hàng trong logistics TMĐT. Chương cuối cùng, trình bày về các loại hình chiến lược logistics TMĐT để doanh nghiệp có thể hiện thực hóa một cách thành công các cơ hội kinh doanh trong nền kinh tế mạng.

***Quản trị vận chuyển hàng hoá quốc tế (International Transportation Management): 3TC (36,18)***

Học phần Quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế giới thiệu về dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế, các phương thức giao nhận vận chuyển và các chứng từ vận chuyển thường gặp. Học phần cung cấp kiến thức về quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, giám sát và điều hành quy trình giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế.

***Nghiệp vụ hải quan (Customs practice) 3TC (36,18)***

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, khái quát về hải quan, trị giá hải quan, thủ tục hải quan cũng như hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan và quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan. Đặc biệt, học phần cũng cung cấp cho người học những hiểu biết, kỹ năng cần thiết để thực hiện khai hải quan và làm thủ tục hải quan đối với các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu. Học phần cũng đề cập đến cơ sở luận và thực tiễn về hoạt động quản lý rủi ro trong lĩnh vực hải quan để đảm bảo hạn chế được các gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan.

***Thực hành nghề nghiệp logistics (Professional practice in Logistics): 3TC (0,90)***

Học phần Thực hành nghề nghiệp Logistics là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của CTĐT Logistics và Xuất nhập khẩu định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế, Khoa Kinh tế & Kinh doanh quốc tế. Đây là học phần mà sinh viên sẽ thực hành tại doanh nghiệp vào năm thứ ba. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: phân tích môi trường vĩ mô, môi trường ngành và nguồn lực logistics của doanh nghiệp; nắm bắt thực trạng hoạt động logistics tại doanh nghiệp sản xuất, thương mại hoặc doanh nghiệp dịch vụ logistics; phát hiện được các vấn đề tồn tại trong hoạt động logistics của các doanh nghiệp này và đề xuất hướng giải quyết vấn đề.

**2.4 Thực tập nghề nghiệp về logistics**

***Thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm (Internship project report): 3TC (0,90)***

Sinh viên đi thực tập ở các tổ chức và doanh nghiệp và viết báo cáo thực tập tổng hợp về khái quát về công ty; mô tả, phân tích và đánh giá bối cảnh và hoạt động kinh doanh, hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng của các tổ chức/doanh nghiệp.

***Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp (Graduation Thesis): 7 TC (0,210)***

Các kiến thức, kỹ năng và năng lực của người học đã tích lũy từ các học phần trong chương trình đào tạo được sử dụng để giải quyết một vấn đề liên quan đến logistics hoặc quản lý chuỗi cung ứng của đơn vị thực tập. Người học phải thực tập ở đơn vị thực tập, nghiên cứu tìm hiểu vấn đề logistics hoặc quản lý chuỗi cung ứng của đơn vị. Dựa trên các lý luận đã được học, người học nghiên cứu, phân tích làm rõ thực trạng vấn đề và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề liên quan đến logistics hoặc quản lý chuỗi cung ứng của đơn vị thực tập đã chọn làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.